Chủ biên: ĐẠI LỢI (THỦ KHOA ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI) Theo chương trình tiếng Anh mới THE LANGMASTER của Bộ GD & ĐT TỦ SÁCH HỌC TỐT TIẾNG ANH Ten, gann Tập 1 DỰA TRÊN MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI TẠI VIỆT NAM (VNEN) Biên soạn theo sách giáo khoa dựa trên chương trình cải cách giáo dục 2015 Tài liệu tham khảo dành cho học sinh, giáo viên và phụ huynh TĂNG KÊM CO PUDIO NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI



NICE TO SEE YOU AGAIN



PART I: THEORY

I. VOCABULARY

English	Pronunciation	Vietnamese
morning	/ˈmɔːnɪŋ/	buổi sáng
afternoon	/a:ftəˈnuːn/	buổi chiều
evening	/ˈiːvnɪŋ/	buổi tối
night	/naɪt/	đêm
tomorrow	/təˈmɒrəʊ/	ngày mai
later	/ˈleɪtə(r)/	sau, muộn
again	/əˈgeɪn/	lại, lặp lại
see	/si:/	gặp
meet	/miːt/	дặр, дặр дд
Vietnam	/vjet'næm/	Quốc gia Việt Nam
England	/ˈɪŋglənd/	Anh quốc
student/ pupil	/'stju:dnt//'pju:pl/	học sinh

II. GRAMMAR

1. Để chào hỏi

Good + buổi.

Chào + buổi

- Nice to see you again.

Rất vui được gặp lại bạn

Example

Good morning.

Chào buổi sáng

2. Để chào tạm biệt

- Goodbye = Bye Tạm biệt

- See you tomorrow Hen mai gặp lại

- See you again = See you later Hẹn gặp lại

Example

- Goodbye, Tony Tạm biệt Tony

- See you tomorrow Hen mai gặp lại

3. Lưu ý

- Good evening Chào buổi tối

- Good night Chúc ngủ ngon

III. PHONICS

Practice pronouncing the word.

/\/	later /ˈleɪtə/	England /ˈɪŋglənd/	long /lɒŋ/
/n/	afternoon /ɑ:ftəˈnuːn/	evening /ˈiːvnɪŋ/	night /naɪt/

PART II: LANGUAGE: VOCABULARY - GRAMMAR - PHONICS

I. VOCABULARY

1. Look at the time and give suitable greeting.







2.



d d d d

2.	Divide	the	expressions	into	four	column	2
	DIVIGE	CITC	CVDICOSIONS	ши	wai	COILLIIII	

Hi. How are you? Goodbye. Hello. Good morning. Bye. I'm fine, thanks See you later. I'm tired, thanks. I'm not bad, thanks. How is it going? Good afternoon. I'm good, thank you. Good night. Fine, thanks. Good night. I'm OK, thanks. See you tomorrow.

Constitute	Carrier and Jhan	Asking about	Response to
Greeting	Saying goodbye	health	health question
	,,		

II. GRAMMAR

1.	Reorder the word to make the correct sentence.
1.	to/ you/ see/ again./ Nice
2.	See/ Goodbye./ later./ you
3.	Tony./ are/ How/ Hello/ you?

4.	I'm/ morning./ Mai./ Good
5.	evening,/ Good/ MS. Hong Anh.

2. Match each sentence with each responding.

No.	Sentence	Opt.	Responding
1	Hello Tony!	A	See you again.
2	How are you?	В	Hi Gogo!
3	Bye!	С	Yes, I am.
4	Are you a pupil?	D	I'm well, thanks.
5	Are you from England?	Е	Yes. I'm from England.

Your answer:

1.

2.

3.

4.

5.

3. Look at the picture and say greeting.

	7.0	·
No.	Greeting	Picture
1	Good!	
2	Good!	

3	Good!	
4	Good!	
5	tomorrow!	

4. Complete the sentence.

- 1. My ______ is Jamie.
- 2. I ______ Vietnamese.
- 3. I am _____ Vietnam.
- 4. Are you fine? _____, I am.
- 5. I'm good, thank _____.

III. PHONICS Track 01

Listen and complete the sentence.
1. See you
2. I come from
3. Good!
4. Good, dear!
5 to meet you.
6. This is
PART III: SKILLS: LISTENING - SPEAKING - READING - WRITING
I. LISTENING Track 02
Listen and circle the correct answer.
Hello (1) friends/ everyone. My name is (2) Nam/ Duy. I (3) am/ come from Hanoi. I am a (4) pupil/student at (5) Nguyen Trai/Nguyen Du Primary school. I'm in class (6) 4A/4D. I have many friends. (7) Linda/Laura, Phong, (8) Nancy/ Nick are my good friends.
II. SPEAKING
Give a suitable respond.
1. Good morning, everyone!
2. How are you?
3. Nice to meet you, Nam.
4. Goodbye!

5. Good night!

III. READING

Name	Country	Nationality	Age
Nam	Vietnam	Vietnamese	eight
Mai	Vietnam	Vietnamese	eight
Linda	England	English	seven
James	America	American	nine

1. LO	ok at the table and complete the sentence.
Nam:	Hello, my name is Nam. I come from (1) I am (2)years old. I am Vietnamese. I'm in Class 4A.
Mai:	Good morning. I'm Mai. I am from (3) I am (4) I'm eight years old. I'm in Class 4A too.
Linda	a: Hello, my name is Linda. I come from (5) I am (6)years old. I am English. I live in Hanoi now.
Jame	(8) I'm nine years old. I live in Ho Chi Minh City with my parents.
2. An	iswer the question.
2. H	Vhere is Nam from? Iow old is Mai?
3. W	Vhat's Linda's nationality?
4. W	Vhat class are Nam and Mai?
5. W	Vhere does Linda live?
	Vhere does James live?

IV. WRITING

- 1. Write sentence basing on available word, the first one has been done for you as an example.
- Mai/ Vietnam/ student
 Hello. I'm Mai. I come from Vietnam. I am a student.

1.	Alison/ England/ pupil

- 2. White/ America/ teacher
- 3. John/ Malaysia/ pupil
- 2. Look at the picture and write. The number 1 has been done for you as an example.





- 1. Nga 9 Vietnam pupil
- Hello, I'm Nga.

I'm nine years old.

I'm from Vietnam.

I'm a pupil.

2. Henry – 9 – Australia – pupil	



3.	Lyly	- 9 -	England	– pupil
----	------	-------	---------	---------



4.	Mi	Linh	- 35 -	Vietnam	- teacher
1.	TATE	LILLI	00	Victimiii	tetterer

		DOZ	
	L/ S	LAT	TE

I. Do you remember the most important sentence patterns in this unit? Write down them here and give an example. (Em có nhớ các mẫu câu quan trọng nhất của bài không? Hãy ghi chúng vào đây và cho một ví dụ.)

1.	Đưa ra	lời	chào	cho	các	buối	sáng	– chiều	- tối.

•••••	• • • •	•••	•••	• • •	•••	•••	•••	• •	• •	• • •	••	••	••	• • •	••	• • •	••	•••	••	• • •	 • •	• • •	• • •		••	• •	••	٠.	••	• • •	••
• • • • • • •	• • • • •	•••	••••	•••	•••	• • •	•••	••	••	•••	• •	• •	• •	• • •	•••	• • •	••	• • •	••	•••	 • •	••	• •	• • •	•••		••	٠.	••		••
• • • • • •					• • •	•••	• • •	••	••			••	••							• • •	 ٠.	• •	• • •				٠.	٠.	٠.		

2. Đưa ra lời tạm biệt theo các cách khác nhau.

						_				-				_	•			-					-				-		30							=						- 3		50	_				5 8																											
	•	•		•	• •	•	•	•	•	•	•	•	•	•	•	•	•	•	•	•	•	•	•	•	•	•	• •	•	•	•	•	•	•	•	•	•	•	•	•	•	•		•	•	•	•	•	•	•	•	• •	•	•	•	•	•	 •	•	•		•	•	•	•	•	• •			•	•	•	•	•		•	•
	•	•	•			• •	•	•	• •	•	•	•	•	•	•	•	 •	•	•	•	•	•	•	•	•	•	• •	•	•	•	•	•	•	•	•	•	•	•	•	•	•	•	•	•		•	•	•	•	•	• •		•	•	•	•	 •	•	•	• •		•	•	•	•	•	• •	٠.	•	•	•	•	•	• •	 •	•
•	•	•	•			•	•		•	•			•	•	•		 •	•	•	•	•	•	•	•	•	• •	• •		•	•	•	•	•	•	•	•	•	•	•	•	•	•	•	•		•	•	•	•	•	• •	٠.	•	•	•	•	 •	•	•	• •		•	٠	•	•	•	• •	٠.	•	•	•	•	•	•	 •	•
																																																																	_	_	_									

II. Can you write at least ten new wor có thể viết ra ít nhất mười từ mới của	
1	6
2	7
3	8
4	9
5	10
III. Now can you?	
Now you can	Tick (✓)
Ask and answer question about gree	eeting.
Speak fluently the sentence pattern	s.
Use the vocabulary relating to gree	ting.
Pronounce ending sound "l", "n"	



I'M FROM JAPAN



PART I: THEORY

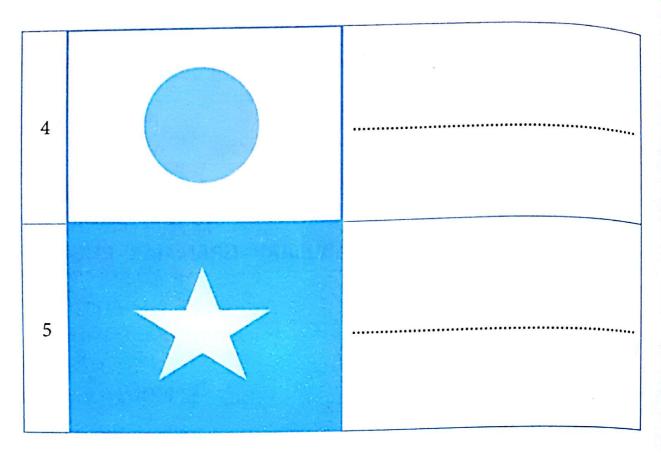
I. VOCABULARY

English	Pronunciation	Vietnamese
America	/əˈmeпkə/	nước Mỹ
American	/əˈmerɪkən/	người Mỹ
Australia	/ɒˈstreɪliə/	nước Úc
Australian	/ɒˈstreɪliən/	người Úc
England	/ˈɪŋglənd/	nước Anh
English	/ˈɪŋglɪʃ/	người Anh
Japan	/dʒəˈpæn/	nước Nhật
Japanese	/dʒæpəˈniːz/	người Nhật
Malaysia	/məˈleɪʒə/	nước Ma-lai-si-a
Malaysian	/məˈleɪʒn/	người Ma-lai-si-a
Vietnam	/vjet'næm/	nước Việt nam
Vietnamese	/vjetnəˈmiːz/	người Việt nam
where	/weə(r)/	ở đâu
from	/frəm/	từ (đâu)
nationality	/næʃəˈnæləti/	quốc tịch

II. GRAMMAR

1. Hỏi bạn từ đâu tới

EN HỌC GIỚI TIẾNG ANH LỚP 4 - TẬP 1

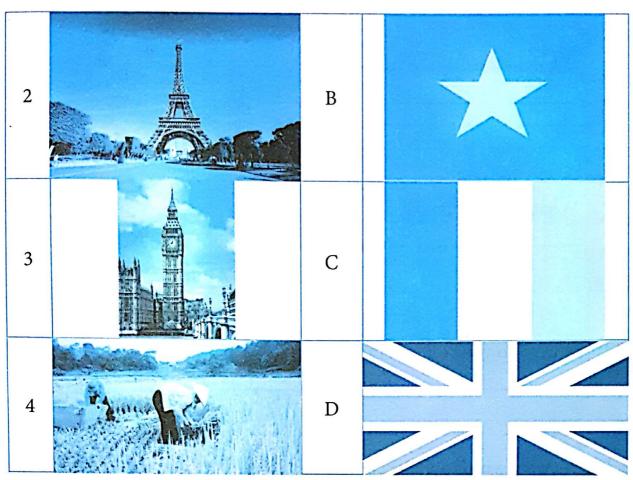


2. Complete the table.

Noun	Adjective
America	1
2	Australian
Japan	3
4	Malaysian
Vietnam	5

3. Match each symbol with each appropriate flag.

No.	Opt.	
1	A	* * * * * * * * * * * * * * * * * * *



Your answer:

1.

2.

3.

4.

II. GRAMMAR

1. Look at the picture and answer the question.

No.	Question - Answer	Picture
1	Where are you from?	

EN NOC GIỚI TIẾNG ANN LỚP 4 - TẬP 1

2	What nationality are you?			
3	. What is your name?			
4	Where do you come from?	*		
	 Reorder the word to make correct sentence. you/ to/ again./ see/ Nice 			
2. n	2. morning./ name/ My/ Good/ Trang./ is			
3. d	o/ come/ you/ from?/ Where	•••••••••••••••••••••••••••••••••••••••		
4. fr	4. from/ come/ China./ I			
5. fi	5. from/ Jan/ Malaysia./ and I/ come			
3 Ci	rcle the mistake in each sentence then rewrit			
	Where do she live?	e the correct one.		
2. V	2. Where are your from?			

3.	I'm am from England.
4.	I come from British.
5.	We come from Australian.
_	Write sentences basing on available words, the first one has been done you as an example.
0.	Hello/ Mai/ Vietnam/ Vietnamese
	Hello, my name is Mai.
	I come from Vietnam.
	I am Vietnamese.
1.	Good morning/ Nam/ Vietnam/ Vietnamese
2.	Good afternoon/ Ross/ Australia/ Australian
_	
3.	, 8
1	Hollo / Maria / Malaysia / Malaysian
4.	
5.	Hello/ Yoko/ Japan/ Japanese

EN HọC GIỚI TIẾNG ANH LỚP 4 - TẬP 1

III. PHONICS Track 03
Listen and complete the sentence.
1. My name is
2 is my friend.
3. I'm from
4. Good morning, Miss
5. Jane comes from
6. Good, Nam!
PART III: SKILLS: LISTENING - SPEAKING - READING - WRITING
I. LISTENING Track 04
Listen and complete the text.
Good morning! My name is Trang. I come from Vietnam and now I live in Hanoi. I am a (1) at Sunshine Primary School. I'm in class 4A and I have lots of cute (2) This is a picture of them. This is Jamie. He comes from New York, (3) And this is Nga and this is Trang. They are from Vietnam. Next to them are Linda and Harry. Linda comes from (4), England and Harry is from (5) They are all my good friends.
II. SPEAKING
Give a suitable respond.
1. Hi Nam. How are you?
2. Goodbye, Mai!

3.	Where are you from?			
4.				•••••
	••••	,		
5.	Wł	nat's your nationality?		
	••••			
II	I. R	EADING		
Re	ad a	and do the tasks below.		
Sc Th an An W liv	d Enhoomey and Jillustra Ve of Ving	ello, my name is Akio. I am from Japan. I'm Japanglish. My school is an international school. It have got a lot of friends. There are twent are from different countries. Linda is from Englant are from the USA. They are American. Tony alian. Alex is from France, but her mom is from ten play badminton and hide and seek together and studying here so much.	It is Rose In y students is and. She is It is from Aus Vietnam. Sh r in our free	nternational in my class English. Jack stralia. He is ne is French
1	Vo.	Statement	True	False
	1	Her name is Akio.		
	2	Akio is Chinese.		
	3	Her school is International School.	a.	-
	4	Her class has got 12 students.	~	
	5	Her friends are from Vietnam.		
	. W	swer the questions: There are Jack and Jill from? That's Tony's nationality?		
3	$\overline{\mathbf{w}}$	here is Alex's mother from?		8

4.	What do they ofto	en do in their free time?	
5.	. Does Akio like living and studying there?		
IV.	WRITING		
	Write sentence bas u as an example.	sing on available word, the	first one has been done for
	girl/ Diana/ Engla	and/ London/ 8/ dancing name is Diana. I am from Ei d I like dancing.	ngland. I live in London.
1.	girl/ Chris/ Amer	ica/ New York/ 10/ football	
2.	boy/ John/ Ameri	ca/ Washington D.C/ 11/ bas	sketball
3.		alia/ Sydney/ 12/ swimming	
4.	. boy/ Raito/ Japan/ Tokyo/ 9/ cycling		
	Attach your photo out you.	below. Complete the table	e and write full sentences
	Your photo	Name: Age: Country: Nationality:	

PUPIL'S NOTE

Wr	·	rtant sentence patterns in this units ample. (Em có nhớ các mẫu câu quan húng vào đây và cho một ví du.)
	Hỏi và trả lời xem ai đó đến từ đâu	
2.		
		ds of this unit? Write them here: (Em
	thể viết ra ít nhất mười từ mới củ	a bài này không? Viết chúng ra đây:) 6
		7
		8
		9
5.		10
II	I. Now can you?	
	Now you ca	n: Tick (🗸)
六	Ask and answer question about son	neone's physical appearance.
六	Use comparative question.	
六	Use the vocabulary relating to phy	rsical appearance.
4	Pronounce ending sound "j", "v"	And the second section is a second section in the second section in the second section is a second section in the second section in the second section is a second section in the second section in the second section is a second section in the second section in the second section is a second section in the second section in the second section is a second section in the second section in the second section is a second section in the second section in the second section is a second section in the second section in the second section is a second section in the second section in the second section is a second section in the second section in the second section is a second section in the second section is a second section in the second section in the second section is a second section in the second section in the second section is a second section in the second section in the second section is a second section in the second section is a second section in the second section in the second section is a second section in the second section in the second section is a second section in the second section in the second section is a second section in the second section in the second section is a second section in the second section in the second section is a second section in the second section in the second section is a second section in the second section in the second section is a second section in the second section in the second section is a second section in the second section in the second section is a second section in the second section in the second section is a second section in the second section in the second section is a section section in the section in the section is a section section in the section in the section section is a section section section in the section section is a section sect



WHAT DAY IS IT TODAY?



PART I: THEORY

I. VOCABULARY

English	Pronunciation	Vietnamese
Monday	/ˈmʌndeɪ/	thứ Hai
Tuesday	/ˈtjuːzdeɪ/	thứ Ba
Wednesday	/'wenzdeɪ/	thứ Tư
Thursday	/ˈθɜːzdeɪ/	thứ Năm
Friday	/ˈfraɪdeɪ/	thứ Sáu
Saturday	/ˈsætədeɪ/	thứ Bảy
Sunday	/'sʌndeɪ/	Chủ Nhật
today	/təˈdeɪ/	ngày hôm nay
school day	/sku:l deɪ/	ngày đi học
weekday	/ˈwiːkdeɪ/	ngày trong tuần
weekend	/wiːkˈend/	ngày cuối tuần

II. GRAMMAR

1. Hỏi xem hôm nay là thứ mấy trong tuần

- (?) What day is it today?
- (+) It's + day.

Example

What day is it today?

It's Monday.

2. Hỏi xem bạn làm gì trong ngày gì

- (?) What do you do on + day?
- (+) I + V1.
- (+) I + V1 + time.

Example

What do you do on Tuesday?

I have some classes at school.

What do you do on Saturday?

I play badminton in the morning.

III. PHONICS

Practice pronouncing the word.

/ir/	first /'fa:st/	birthday /ˈbɜːθdeɪ/	third /θɜːd/
/ur/	Thursday /ˈθɜːzdeɪ/	turn /tɜːn/	nurse /naːs/
/er/	her /hɜː/	person /ˈpɜːsən/	German /ˈdʒɜːmən/



PART II: LANGUAGE: VOCABULARY - GRAMMAR - PHONICS

I. VOCABULARY

1. Divide what activity should be done in weekday or weekend.

go to school

do homework

play football

go for picnic

do the gardening

do the test

Weekday	Weekend

2. Look at the table below and complete the sentence. The number 1 has been done for you as an example.

		Му	activities		
Monday	Tuesday	Thursday	Friday	Saturday	Sunday
go to the park	play football	do the gardening	sing and dance with my friends	watch TV	visit my granparent

1.	Today	y is Monday.	I go	to the	park on	Monday.
----	-------	--------------	------	--------	---------	---------

2. Ioday is I	on
3. Today is I	on
4. Today is I	on
F T-1	

 5. Today is ______. I ______ on _____.

 6. Today is _____. I _____ on _____.

3. Put the letters in the correct orders to have correct words.

No.	Wrong word	Correct word
1	DAMNOY	
2	DUTSYEA	
3	EDSDWNAYE	,
4	RSDUYATH	
5	IDYAFR	
6	TAUADYRS	
7	UYNDSA	

II. GRAMMAR

1.	Reorder	the word	to	make	correct	sentence.
----	---------	----------	----	------	---------	-----------

1.	it/ What/ is/ today?/ day
2.	is/ It/ today./ Monday

3.	do/ What/ on/ do/ Wednesday?/ you
4.	badminton/ plays/ on/ She/ Thursday.
5.	and/ sister/ her/ Linh/ on/ TV/ watch/ Friday.
	Circle the mistake in each sentence then rewrite the correct one. Do you listen on music on Thursday?
2.	What does she do in Friday?
3.	Does he work the guitar in the morning?
4.	He and I play footballs in the afternoon.
5.	Does he play swimming on Saturday?

3. Look at the picture and answer the question.

No.	Question – Answer	Picture
1	What do you do on Monday?	25
2	Do you go cycling on Tuesday?	

EN HọC GIỚI TIẾNG ANH LỚP 4 - TẬP 1

3	What day is it?	Thứ Năm
4	Is it Friday today?	Thứ Hai
5	What do you do today?	

4. Look at the time table and complete the sentence.

Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat	Sun
play	play		listen to	go	play the	play the
football	badminton		music	swimming	piano	guitar

0.

It is Monday today.

What do you do on Monday?

I play football on Monday.

1.

2

3	
4	
5	
6 -	
List	PHONICS Track 05 en and complete the sentence. 1. My birthday is on the of January. 2. When is your ? 3. What's the day today? - It's 4. I want to be a in the future. 5. This is book. 6. I come from
	PART III: SKILLS: LISTENING - SPEAKING - READING - WRITING
	ISTENING Track 06
	ten and complete the text.
	vid: What day is it today, Susan?
Sus	an: It's (1)

EN NOC GIOI TIÊNG ANN LÔP 4 - TẬP 1

David:	What do you do on Monday?
Susan:	Well, I have (2) classes in the morning.
David:	How about the afternoon?
Susan:	I (3) with my sister, Sandra. She loves swimming.
	What about Tuesday afternoon? Are you free?
Susan:	No. I go to the (4) every Tuesday afternoon. But I'm free in Wednesday afternoon.
David:	That's great. There is a (5) match on Wednesday afternoon. Do you want to go with me?
Susan:	Yes. That sounds great.
II. SPI	EAKING
Comp	lete the conversation with available clause.
- Let	s play badminton together
- It's	Saturday
- Wh	nat about Sunday
- I go	o to the library in the morning
- pla	y the guitar
Long:	Is it Friday today, Nam?
Nam:	No. (1)
	Do you go to school today?
Nam:	No, I don't. On Saturday (2), and in the afternoon I play sports. How about you?
Long:	Well, on Saturday I go to the English club, then I play badminton.
	(3)?
Long:	I help mum do housework, sometimes I play the piano.
Nam:	Do you (4)?
Long:	No, I don't. So, do you play badminton?
Nam:	Yes.
I ong.	(5)

III. READING

Read and do the task followed.

Hello friends. My name is Nam. I am nine years old and I come from Vietnam. This is my timetable. I go to school in every morning from Monday to Friday. In the afternoon of Monday and Friday, I go to the English club. In Tuesday and Wednesday afternoon, I play football with my brother. I go swimming with my friend in the afternoon of Thursday. At weekend, I do not go to school. On Saturday, I take my dog for a walk in the park. On Sunday, I help my mum do the housework at home. Look, it is 1 p.m, I'm going swimming now. Goodbye!

1. Answer	the	question.
-----------	-----	-----------

1.	Where does Nam come from?
2.	Who does Nam play football with?
3.	What day is it today?

2. Complete the table with activity.

	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat	Sun
a.m						(*)	
p.m		•••••					•••••

IV. WRITING

1. Write sentences basing on available words, the first one has been done for you as an example.

Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat	Sun
have classes at school		go swimming at the swimming pool	go to the English club	play badminton	play table tennis	help mum with the housework

0. I have some classes at school or	n Monday.
1	
2	
3	
4	
5	
6	
2. Write sentences. The number 0 ha	as been done for you as an example.
0. Monday – go to school.	
- What day is it today?	
- It's Monday.	
- What do you do on Monday?	
- I go to school on Monday.	
1. Tuesday – learn Math and Vietnamese	2. Friday – learn English and piano
3. Saturday – visit my grandparents	4. Sunday – watch TV and listen to music

PUPIL'S NOTE

I. Do you remember the most important sentence patterns in this unit? Write down them here and give an example. (Em có nhớ các mẫu câu quan trọng nhất của bài không? Hãy ghi chúng vào đây và cho một ví dụ.) 1. Hỏi và trả lời xem hôm nay là thứ mấy. 2. Hỏi và trả lời xem ai đó làm gì vào ngày nào/ thời gian nào. II. Can you write at least ten new words of this unit? Write them here: (Em có thể viết ra ít nhất mười từ mới của bài này không? Viết chúng ra đây:) III. Now can you? Tick (✓) Now you can: ★ Ask and answer question about days of the week and weekly activities. ★ Speak fluently the sentence patterns. ★ Use the vocabulary relating to days of the week and weekly activities. ★ Pronounce ending sound "ir", "ur", "er"



WHEN'S YOUR BIRTHDAY?



PART I: THEORY

I. VOCABULARY

English	Pronunciation	Vietnamese
January	/ˈdʒænjuəri/	tháng 1
February	/ˈfebruəri/	tháng 2
March	/ma:tʃ/	tháng 3
April	/'eɪprəl/	tháng 4
May	/meɪ/	tháng 5
June	/dʒu:n/	tháng 6
July	/dʒuˈlaɪ/	tháng 7
August	/ɔːˈgʌst/	tháng 8
September	/sep'tembə(r)/	tháng 9
October	/ɒkˈtəʊbə(r)/	tháng 10
November	/nəʊˈvembə(r)/	tháng 11
December	/dɪˈsembə(r)/	tháng 12
first	/fa:st/	thứ nhất
second	/ˈsekənd/	thứ hai
third	/θ3:d/	thứ ba
fourth	/fɔ:θ/	thứ tư
fifth	/fɪfθ/	thứ năm

sixth	/sɪksθ/	thứ sáu	
seventh	/ˈsevnθ/	thứ bảy	
eighth	/eɪtθ/	thứ tám	
ninth	/naɪnθ/	thứ chín	
tenth	/tenθ/	thứ mười	

II. GRAMMAR

1. Hỏi xem hôm nay là ngày bao nhiều trong tháng

- (?) What is the date today?
- (+ It's + month + date.
- (+) It's the + date of + month.

Example:

What is the date today?

It's October 5th.

It's the 5th of October.

2. Hỏi xem sinh nhật của bạn là ngày nào

- (?) When's your birthday?
- (+) It's on + month + date.
- (+) It's on the + date of + month.

Example:

When's your birthday?

It's on September 1st.

It's on the first of September.

3. Hỏi xem sinh nhật của ai đó là ngày nào

- (?) When's his/ her birthday?
- (+) It's on + month + date.
- (+) It's on the + date of + month.

Example:

EN HOC GIÓI TIẾNG ANH LỚP 4 - TẬP 1

When's her birthday?

It's on September 2nd.

It's on the second of September.

4. Lịch

	AUGUST					
Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat	Sun
1 st	2 nd	3 rd	4 th	5 th	6 th	7 th
8 th	9 th	$10^{ m th}$	11 th	12 th	13 th	14 th
15 th	16 th	17 th	18 th	19 th	20 th	21st
22 nd	23 rd	24 th	25 th	26 th	27 th	28 th
29 th	30 th	31 st		9 5		

III. PHONICS

Practice pronouncing the word.

/th/	fourth /fɔ:θ/	earth /ɜːθ/	thanks /θæŋks/
/ch/	March /mɑ:tʃ/	China /ˈtʃaɪnə/	teacher /ˈtiːtʃər/



PART II: LANGUAGE: VOCABULARY - GRAMMAR - PHONICS

I. VOCABULARY

1. Complete the table with the months of each season.

Spring	Autumn	Summer	Winter
••••••	•••••••••••••••••••••••••••••••••••••••		
•••••••••••••••••••••••••••••••••••••••			
			•••••

2. Rewrite these scrambled words.

No.	Wrong word	Correct word
1	YNJAARU	
2	EARBRFUY	
3	RCAHM	
4	RPLIA	
5	UENJ	
6	UTGUAS	
7	PTEREMSEB	
8	OBORECT	
9	VERMBNOE	
10	EMCRBEDE	

3. Complete the table, the first one has been done for you as an example.

No.	Cardinal number	Ordinal number
1	one	the first
2	two	
3	three	
4	four	
5	five	
6	six	
7	seven	
8	eight	
9	nine	
10	ten	,

4. Write the date in English forms, the first one has been done for you as an example.

No.	Day in number form	Day in English form
0	1/1	January 1 st
1	23/2	
2	31/8	
3	25/11	
4	11/10	
5	15/5	
6	3/3	
7	4/9	
8	22/7	••••••
9	2/6	
10	13/4	

II. GRAMMAR

1. Match each question with each answer.

No.	Question	Opt.	Answer
1	What day is it today?	A	It's October 6 th .
2	What do you do on Tuesday?	В	It's Monday.
3	Is it Thursday today?	С	My birthday is on November 20th.
4	What is the date today?	D	No, it isn't.
5	When's your birthday?	Е	I have some classes at school.

37				
You	Ir	an	CW	Pr.

1.	2.	3.	4.	5
		٥.	T.)

2. Reorder the word to make correct sentence.

1. day/ it/ is/ tomorrow?/ What

2.	do/ on/ do/ you/ Wednesday?/ What
3.	you/ Do/ on/ play/ Monday?/ football
4.	birthday/ Is/ your/ December/ on/ 11 th ?
5.	the guitar/ is/ and/ Today/ I/ today./ Friday/ play
3.	Circle the mistake in each sentence then rewrite the correct one.
1.	It is the one of January.
2.	What is the day today? – It is January 1st.
3.	When is you birthday?
4.	Is it on the nine of February?
5.	It is in the eleventh of March.
4.	Write sentence basing on available word, the first one has been done for
yo	ou as an example.
0.	Mai/ 12th of August.
	When's Mai's birthday?
	It is on the 12th of August.
1.	Trung/ 9 th of April
2.	Tony/ 22 nd of May

3. Hoang/ 30th of July
4. Linh/ 31st of January
5. Mary/ 18 th of December
III. PHONICS Track 07 Listen and complete the sentence.
1. The is round.
2 you very much.
3. Miss Hoa is my
4. I come from
5. It is the of May today.
6. My birthday is on the first of
PART III: SKILLS: LISTENING - SPEAKING - READING - WRITING
I. LISTENING Track 08
Listen and complete the text.
Hương: What's the date today Nam?
Nam: It's the (1) of May.
Hương: Is it May 15 th ?
Nam: No. It's exactly the 14th of May today. My cat's (2) is today.
Hương: Uhm, that's interesting. So, when's (3) birthday?

Nam:	It's 15th of October. How about you? What's your date of birth?
	My mum says I was born on (4) But she usually
	celebrates my birthday on (5) I don't know why.
II. SPE	AKING
Comple	ete the conversation with available phrases.
	at's the date today
- It's r	ny brother
- It's o	on April 12 th
- This	s is a picture of my family
	was born on May 5 th
	Look! (1) This is my mother.
	She is so young.
Carol:	Yes, tomorrow is her birthday.
	(2)?
	It's March 4 th .
Ann:	So your mum was born on March 4th?
Carol:	No. (3) But she celebrates her birthday on
	March 4 th .
Ann:	Why?
Carol:	I don't know.
Ann:	Then, is this your father?
Carol:	No, (4) He is 14 years old. And his
	birthday is in next month.
	When in next month is his birthday?
Carol:	(5)

III. READING

Read and do the task followed.

Hi! My name's Laura and I am thirteen years old. I'm from England and

I live in London with my family. My birthday is on March 3rd. Mr William and Mrs Elizabeth are my parents. My father was born on April 25th and now he is 42 years old. My mother – Elizabeth is 40 years old and her birthday is on June 12th. I have got a brother and a sister – Peter and Melanie. Peter's birthday is on October 1st, and my sister's birthday is on August 22nd. Ann and Dan are my grandparents. My grandma is 81 and my grandpa is 82. I do not remember their birthdays.

1. Complete the table with the birthday of each member.

No.	Member	Birthday
1	Laura	
2	Mr William	
3	Mrs Elizabeth	
4	Peter	
5	Melanie	1

2. Answer the questio	n.
-----------------------	----

200	100 177	98 58		
1	LI	_11	•	Laura?
	-now	α	10	1 gura/
	11011	Olu	10	Laula:

2.	TATI	o is		•
/	vvr	10 10	Ar	m

2	TT	1 1		-1			
3	HOW	Δ	10	H.	170	hat	h 2
J.	How	Olu	12	Lil	IZa	Dei	115

IV. WRITING

- 1. Write sentence basing on available word, the first one has been done for you as an example.
- January 1st/ my father, Hung
 This is my father, Hung. His birthday is on January 1st.

1.	Feb	ruary	2 nd /	my	mother,	Nga	
----	-----	-------	-------------------	----	---------	-----	--

2.	May 3 rd / my brother, Na	m
3.	June 4th/ my friend, Susa	
4.	October 5th/ my teacher	, Trang
5.	December 6th/ my sister	r, Mai
2.	Write an invitation card	ł.
C. C.	BIATHDAY	Please come to my birthday party. To:
		PUPIL'S NOTE
V t	Vrite down them here an rọng nhất của bài không	most important sentence patterns in this unit? d give an example. (Em có nhớ các mẫu câu quan ? Hãy ghi chúng vào đây và cho một ví dụ.)
1	. Hỏi và trả lời xem hôm	I Hay la Hgay gl.

EN NOC GIỚI TIẾNG ANN LỚP 4 - TẬP 1

2.	Hỏi và trả lời về ngày sinh nhật của ai đó.
II.	Can you write at least ten new words of this unit? Write them here: (Em
	thể viết ra ít nhất mười từ mới của bài này không? Viết chúng ra đây:)
1.	····· 6
2.	7
3.	····· 8
4.	9
5.	
III	. Now can you?
	Now you can: Tick (✓)
*	Ask and answer question about dates and birthday.
*	Speak fluently the sentence patterns.
*	Use the vocabulary relating to dates and birthday.
*	Pronounce ending sound "th", "ch"



CAN YOU SWIM?



PART I: THEORY

I. VOCABULARY

English	Pronunciation	Vietnamese
can	/kæn/	có thể
ride	/raɪd/	đi xe (xe đạp, xe máy, hoặc cưỡi ngựa)
draw	/drɔ:/	vē
cook	/kʊk/	nấu (ăn)
skate	/skeɪt/	lướt, trượt (ván)
skip	/skɪp/	nhảy (dây)
sing	/sɪŋ/	hát
swim	/swim/	bơi
swing	/swiŋ/	đu (xích đu)
dance	/dæns/	nhảy (múa)
play	/pleɪ/	chơi
guitar	/gɪˈtaː(r)/	đàn ghi ta
piano	/piˈænəʊ/	đàn piano
volleyball	/ˈcdilav'/	bóng chuyền
table tennis	/'terbl 'tenrs/	bóng bàn
chess	/tʃes/	cờ
cycle	/ˈsaɪkl/	đạp xe
ride a bike	/raɪd ə baɪk/	đi xe đạp

EN NOC GIỚI TIẾNG ANN LỚP 4 - TẬP 1

drive a car	/draɪv ə kɑ:(r)/	lái ô tô
play the piano	/pleɪ ðə piˈænəʊ/	chơi piano
play the guitar	/pleɪ ðə gɪˈtɑː(r)/	chơi ghi-ta
play soccer	/pleɪ ˈsɒkə(r)/	chơi bóng đá
play badminton	/pleɪ ˈbædmɪntən/	chơi cầu lông
use a computer	/juːz ə kəmˈpjuːtə(r)/	dùng máy tính

II. GRAMMAR

Hỏi xem người nào có thể làm việc gì

- (?) What can + S + do?
- (+) S + can + V-inf.
- (-) S + can't + V-inf.

Example:

What can you do?

I can swim.

What can't he do?

He can't play football.

Hỏi xem ai đó có thể làm việc gì không

- (?) Can + S + V-inf?
- (+) Yes, S + can.
- (-) No, S + can't.

Example:

Can you cook?

Yes, I can.

Can she play guitar?

No, she can't.

III. PHONICS

Practice pronouncing the word.

/s/	sing /sɪŋ/	song /spŋ/	second /'sekənd/
/sw/	swim /swim/	swing /swɪŋ/	swan /swpn/



PART II: LANGUAGE: VOCABULARY - GRAMMAR - PHONICS

I. VOCABULARY

1. Divide the word into three columns.

play football	cycle	walk the dog
cook	chat with friends	dance
swim	skate	do homework
swing	study	skip

At school	At home	At the park
••••••	•••••	
••••••		
••••••		
•••••	•••••	

2. Match each picture with each activity.

No.	Word	No.	Picture
1	ride	A	

EN HỌC GIỚI TIẾNG ANH LỚP 4 - TẬP 1

2	sing	В	
3	dance	С	
4	swing	D	
5	drive	E	
6	cook	F	
7	skip	G	

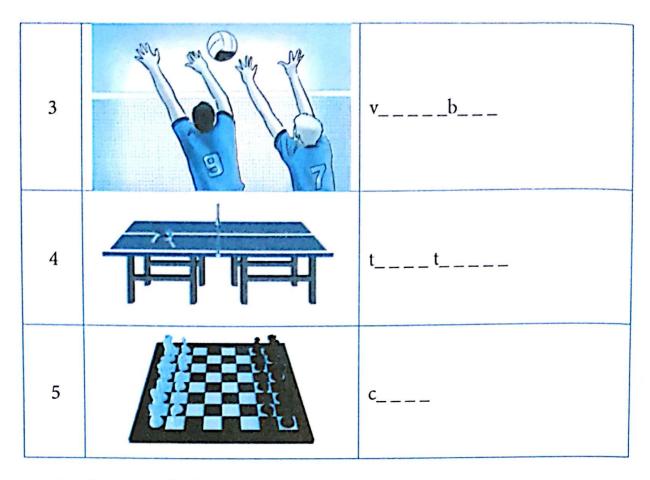
8	swim	Н	
9	play	I	
10	skate	J	

Your answer:

1.	2.	3.	4.	5.
6.	7.	8.	9.	10.

3. Look at the picture and complete the word.

No.	Picture	Word
1		g
2		P



4. Match the words that go together.

No.	Word	No.	Picture
1	draw	A	a car
2	ride	В	the piano
3	drive	С	a bike
4	play	D	a computer
5	use	E	pictures

Your answer:

1.	2.	3.	4.	5.
				· .

II. GRAMMAR

1. Match each question with each answer.

No.	Question	Opt.	Answer
1	What do you do on Wednesday?	A	I play soccer.
2	When is your birthday?	В	I can play the piano.
3	Do you play badminton today?	С	It's on the ninth of October.
4	What sport can you play?	D	I can play table tennis.
5	What instrument can you play?	Е	No, I don't.

Your answer:

ı						
	1.	2.	3.	4.	5.	

2. Reorder the word to make correct sentence.

2.	a/ ride/ Can/ bike?/ you

3.	Yes./ cook/ I/ can/ well./ very

4.	Linh/ and/ Can/ swim?/ Julia

5.	5. play/ I/ piano/ the/ Tuesday./ on		

3. Look and answer the question "What can you do?", the first one has been done for you as an example.

No.	Answer	Picture
0	I can ride a bike.	

1	
2	
3	
4	
5	

4. Write sentence basing on available word, the first one has been done for you as an example.

0.	cook/ yes	
	Can you cook?	
	Yes, I can.	
1.	skate/ no	

3. sing/ no

4. swim/ yes

2. skip/ yes

5. swing/ no

III. PHONICS Track 09

Listen and complete the sentence.

- 1. She is going to _____.
- 2. What ______ is she singing?
- 3. Can your father _____?
- 4. I can _____ very fast.
- 5. Look! There is a big _____ over there.
- 6. My birthday is on the _____ of March.



PART III: SKILLS: LISTENING - SPEAKING - READING - WRITING

I. LISTENING Track 10

Listen and complete the text.

1.	Nam: What can you do, Julia?	
	Julia: Well, I can draw and (1)	quite well. I can also (2)
	but I don't swim so well.	

2. Dan: Can you play any (3) _____, Jane?

Jane: Yes, of course.

Dan: What sports can you play?

Jane: A lot: football, (4) _____, volleyball, and so on.

3. Oh, the kids are so noisy. What should we do with them?

You can (5) ______, or read some fairy tales. Then they will listen to you and don't make noise any more.

II. SPEAKING

Complete the conversation with available phrases.

- I also can play badminton
- Then you need more practice
- I can play football too

EN HỌC GIỚI TIẾNG ANH LỚP 4 - TẬP 1

- 1s t	hat boy your brotner
- I ca	an swim
Trang:	Look, Nam! (1)?
Nam:	No, it isn't. My brother is there, in the yellow T-shirt.
Trang:	Wow, he plays football so well.
Nam:	(2)
Trang:	Do you? I think you just can play chess.
Nam:	No. I can play football quite well, (3)
Trang:	Really? You are so great.
Nam:	Thanks. How about you, what can you do?
Trang:	I don't know. Let's see, (4), I can dance, I
	also can sing. But I don't think I can do them very well.
Nam:	(5)
Trang:	Maybe.

III. READING

Read and do the task followed.

MARY'S FAMILY

Mary is ten years old. She is from Washington D.C. She can draw pictures very well. She has got a cat and a dog. Their names are Fluffy and Pat. They can't do anything.

Mary's mother is Jane. She is a teacher. She's 36 years old. She can cook good food and she cooks good meals every day.

Her husband – Mary's father – Nick, is 38 years old. He is a bus driver. He does not sing so well, but he loves singing and he sings every day.

They have got three children: Mona and Pete, and her. Mona and Pete are primary students. Mona can play the piano and guitar. Pete cannot play any musical instruments. But he can play many sports. He loves volleyball and table tennis.

Jane has a friend – Laura. They can play chess and they usually play chess together. It's a great family.

1. Answer	the question.					
1. Where	Where does Mary come from?					
2. What c	What can Fluffy and Pat do?					
3. How ol	d is Jane?					
	loes Nick do?					
2. Comple	ete the table with things each per					
No.	Person	Things they can do				
1	Mary					
2	Jane					
3	Nick					
4	Mona					
5	Pete					
6	Laura					
	FING entence basing on available word example.	, the first one has been done for				
	i/ sister/ sing very well					
		verv well.				
	This is Mai. She is my sister. She can sing very well.					
1. Nar	n/ brother/ swim very well					
2. Chi	2. Chinh/ mother/ dance and play the guitar					

3. Linda/ friend/ play volleyball	
4. Susan/ classmate/ play badminton and table tennis	
5. Miss Hien/ teacher/ drive a car.	
2. Answer the questions about you.	
1. Can you play the guitar?	
2. Can you dance?	
3. What can you do?	
4. What can your brother do?	
5. What can your sister do?	
PUPIL'S NOTE	
I. Do you remember the most important sentence patte Write down them here and give an example. (Em có nhớ c trọng nhất của bài không? Hãy ghi chúng vào đây và cho	ac mẫu câu quan
 Hỏi và trả lời xem ai đó có thể/ không thể làm gì với W 	
•••••••••••••••••••••••••••••••••••••••	••••••

2.	Hỏi và trả lời xem ai đó có thể lài Can you?	m một việc gì đó hay không với
		ds of this unit? Write them here: (Em bài này không? Viết chúng ra đây:)
1.		6
2.		7
		8
4.		9
5.		10
II	II. Now can you?	•
	Now you can:	Tick (✓)
六	Ask and answer question about spo activities.	orts and entertainment
N	Speak fluently the sentence pattern	ıs.
六	Use the vocabulary relating to sporactivities.	rts and entertainment
A	Pronounce exactly "s" and "sw"	



WHERE'S YOUR SCHOOL?



PART I: THEORY

I. VOCABULARY

English	Pronunciation	Vietnamese
street	/striːt/	phố
road	/rəʊd/	đường
village	/'vɪlɪdʒ/	làng, xã
district	/ˈdɪstrɪkt/	quận
address	/əˈdres/	địa chỉ
class	/kla:s/	lớp học
school	/sku:l/	trường học
study	/ˈstʌdi/	học
avenue	/ˈævənjuː/	đại lộ

II. GRAMMAR

1. Hỏi xem trường của ai nằm ở đâu

- (?) Where is + possessive adj + school?
- (+) It's in/ on/ at + place.

Example:

Where is your school?

It's in 53 Ba Trieu street.

Where is her school?

It's in 12 Tran Phu street.

2. Hỏi xem bạn học lớp nào?

- (?) What class are you in?
- (+) I'm in class + class.

Example:

What class are you in? I'm in class 4D.

3. Hỏi xem ai đó học lớp nào

- (?) What class is he/ she in?
- (+) He's/ She's in class + class.

Example:

What class is Jane in? She's in class 4D.

III. PHONICS

Practice pronouncing the word.

/sch/	school /sku:l/	schedule /ˈʃedjuːl/	scholarship /ˈskɒləʃɪp/
/sk/	skill /skɪl/	sky /skaɪ/	skate /skeɪt/
/str/	street /stri:t/	district /'dis.trikt/	strong /stron/



PART II: LANGUAGE: VOCABULARY - GRAMMAR - PHONICS

I. VOCABULARY

Match each picture with the correct word

EN NOC GIÓN TIẾNG ANN LỚP 4 - TẬP \$

No.	Word	Opt.	Picture
	ride a bike	A	
2	drive a car	В	
3	play the piano	С	
4	play badminton	D	
5	use a computer	Е	
6	street	F	

7	village	G	
8	address	Н	
9	class	I	
10	school	J	

Your answer:

- 1. 2.
- 3.
- 4.
- 5.

- 6.
- 7.
- 8.
- 9.
- 10.

II. GRAMMAR

1. Match each question with each answer.

No.	Question	Opt.	Answer
1	Can you play any sports?	A	No, it isn't.
2	Can you play chess well?	В	It's in 52 Oak Street.
3	Where is your school?	С	Yes. I can play badminton.

EN NOC GIỚI TIẾNG ANH LỚP 4 - TẬP 1

4	Is your school in 112 Palm Street?	D	No, I can't.
5	What class are you in?	E	I'm in class 4D.

Your answer:

1.	2.	3.	4.	5.			
2.	Reorder the word to n	nake correct se	ntence.				
1.	class/ you/ are/ in?/ W						
2.	you/ class/ in/ Are/ 3A	7 ?					
3.	class/ in/ am/ 3C./ I						
4.	is/ 23/ in/ Market/ My	y/ Street./ schoo	1				
5.	your/ Is/ Pet/ 47/ in/ S				•••••		
3.	Pick out one redundant	t word in each se	entence then r	ewrite the correct	one.		
1.	When's is Mai's birthd	ay?					
2.	What do you do on in	your birthday?			•		
3.	I can't not play the piano.						
4.	Where's your school in	n?			i		
5.	My school's in the 36	Гоwn Square.			ā		

4.	Write sentences basing on available words, the first one has been done
for	you as an example.
0.	Nana/ 23 Rose Street
	Where is Nana's school?
	It's at 23 Rose Street.
1.	Minh/ 12 Tran Phu Street
2.	Lan Anh/ 63 Nguyen Phong Sac Road
	,
3.	Laura/ 33 Strawberry Street.
4.	Nancy/ 17 First Avenue.
5.	Loan/ 14 Tran Dang Ninh Road.
	······································
II	I. PHONICS Track 11
Li	sten and complete the sentence.
	1. Nancy can rope very well.
	2. Where is your?
	3. There are many clouds in the
	4. I live in Hoan Kiem
	5. Let me take a look at my
	6. The boys are playing football in the



PART III: SKILLS: LISTENING - SPEAKING - READING - WRITING

I. LISTENING Track 12

Comp	lete the dial	ogue with	the given wor	rds.		
W	'hat	meet	going	class	Where's	
Tony:	Hello Mai.					
Mai:	Hi Tony.					
Tony:	Where are you (1)?					
Mai:	I'm going to	o school.				
Tony:	(2)	your	school?			
Mai:	It's on Nguy	yen Hue St	treet.			
Tony:	(3)	class	are you in?			
Mai:	I'm in (4)_		_4A. And you	?		
Tony:	Ok. See you	ı soon Ma	i.			
Mai:	Nice to (5)		you Tony.			
Your a	nswer:					
1.	2.	¥	3.	4.	5.	
II. SPI	EAKING					
Comp	lete the con	versation	with available	phrases.		
- He	llo Nana					
- I'm	in class 4B					
- Bye	e					
- She	comes fron	ı London,	England			
- Nic	e to meet yo	ou, Trang				
Trang:	Hello. I'm 7	Trang.				
Thao:	(1)		My na	me is Thu Tha	o. And this is my	
	friend, Nan				•	
Trang:	(2)					

Nana:	Hi Trang.	
Trang:	Where does Nana come from, Thao?	
	(3)	
Trang:	What class are you in?	
Thao:	She is in class 4A and (4)	How about you?
Trang:	I'm in class 4C.	How about your
Thao:	Oh, then, see you at the football match.	
	(5)	

III. READING

Read and decide if each statement is true or false.

Hello everyone. My name is Julia. I come from England and I'm studying at International Primary school. I'm in class 4E. My school is at 53 Nguyen Du Street. I have lots of friends. Here is a picture of them. This is Nhung. She is Vietnamese and she can draw very well. Next to her is Harry. Harry is English. He can swim and play the guitar. And here is Maori. Maori is an Australian girl. She can dance and play soccer very well.

No.	Statement	True	False			
1	Julia is from England.					
2	Julia is a pupil at International Primary school.					
3	Nhung comes from Thailand.					
4	Nhung can't draw.					
5	Harry can swim and but he can't play the guitar.					

Answer the question.

1.	Where is Julia's school	.\$	

2	TAThat	:.	Mhunge	national	litve
Z.	vvnat	12	Nhung's	Hationa	iicy.

What can Nhung do?						
What can Harry do?						
Is Maori from A	Australia?					
What can Maon	i do?					
WRITING						
Write question	for the underlined	part.				
Yes. She can sw	im very well.					
I'm in class <u>4C</u> .						
My school is in	23 Nguyen Du site	<u>cı</u> .				
2. Complete the table about you. Then write in full sentence.						
ame:						
.ge:						
chool:						
lass:						
School address:						
	What can Harry Is Maori from A What can Maor Write question I can ride a bike Yes. She can sw I'm in class 4C. She is in class 3 My school is in Complete the tal ame: ge: chool: lass:	What can Harry do? Is Maori from Australia? What can Maori do? WRITING Write question for the underlined I can ride a bike. Yes. She can swim very well. I'm in class 4C. She is in class 3A. My school is in 25 Nguyen Du stre Complete the table about you. The ame: ge: chool: lass:				

PUPIL'S NOTE

Wr	•	ortant sentence patterns in this unit cample. (Em có nhớ các mẫu câu quar húng vào đây và cho một ví dụ.)	
1.	Hỏi và trả lời xem trường của ai đ	ó ở đâu.	
2.	Hỏi và trả lời xem ai đó học lớp nă		
		rds of this unit? Write them here: (Em	
		a bài này không? Viết chúng ra đây:)	
		6	
		7	
		8	
		9	
5.		10	
II	I. Now can you?		
	Now you can	n: Tick (✓)	
六	Ask and answer question about th	e place of school.	
*	Ask and answer question about w	hat class someone is in.	
*	Speak fluently the sentence patter		
*	Use the vocabulary relating to son		
	Pronounce exactly the sound "sch", and "sk" and "str".		



WHAT DO YOU LIKE DOING?



PART I: THEORY

I. VOCABULARY

English	Pronunciation	Vietnamese
collect coins	/kəˈlekt kɔɪn/	sưu tập tiền xu
collect stamps	/kəˈlekt stæmps/	sưu tập tem
go skiing	/gəʊ ˈskiːɪŋ/	đi trượt tuyết
go shopping	/gəʊ ˈʃɒpɪŋ/	đi mua sắm
go climbing	/gəʊ ˈklaɪmɪŋ/	đi leo núi
make origami	/meɪk ɒrɪˈgaːmi/	gấp giấy
ride a bike	/raɪd ə baɪk/	đi xe đạp
fly a kite/plane	/fla ə kaɪt/pleɪn/	thả diều/ chơi máy bay
take photographs	/teɪk ˈfəʊtəgraːf/	chụp ảnh
watch TV	/wptʃ tiː 'viː/	xem TV
listen to music	/lɪsn tə ˈmjuːzɪk/	nghe nhạc
sail a boat	/seɪl ə bəʊt/	chèo thuyên
play with a yo yo	/pleɪ wɪð ə jəʊ jəʊ/	chơi yo yo
swim	/ˈswɪmɪŋ/	boi
cook	/ˈkʊkɪŋ/	nấu ăn
read	/ri:d/	đọc

II. GRAMMAR

- 1. Hỏi xem bạn thích làm việc gì
 - (?) What do you like doing?
 - (+) I like + V-ing.
 - (+) I like + noun.

Example:

What do you like doing? I like swimming.

- 2. Hỏi xem ai đó thích làm việc gì
 - (?) What does + he/ she + like doing?
 - (+) He/ She + likes + V-ing.
 - (+) He/ She + likes + noun.

Example:

What does she like doing? She likes cooking.

- 3. Hỏi xem sở thích của bạn là gì
 - (?) What's your hobby?
 - (+) I like + V-ing.
 - (+) I like + noun.

Example:

What's your hobby?
I like collecting stamps.

- 4. Hỏi xem sở thích của ai đó là gì
 - (?) What's his/ her hobby?
 - (+) He likes + V-ing.
 - (+) She likes + noun.

Example:

What's her hobby? She likes flying kites.

III. PHONICS

Practice pronouncing the word.

/fl/	flying /ˈflaɪɪŋ/	flower /ˈflaʊər/	flag /flæg/
/pl/	play /pleɪ/	plane /pleɪn/	plan /plæn/



PART II: LANGUAGE: VOCABULARY - GRAMMAR - PHONICS

I. VOCABULARY

1. Divide the word into each kind of hobby.

cycling film swimming drums stamp draw coins stickers piano television chess dancing computer games guitar paint sing

Sports	Collection	Instrument	Playing	Watching	Art
				*	· w
				8	

2. Match the words that go together.

No.	Word 1	Opt.	Word 2
1	listening	A	photographs
2	sailing	В	TV
3	playing	С	skiing
4	riding	D	a boat
5	flying	Е	a bike
6	taking	F	to music
7	collecting	G	a kite
8	going	Н	origami
9	making	I	stamps
10	watching	J	with a yo yo

Your answer:

1.

2.

3.

4.

5.

6.

7.

8.

9.

10.

3. Look at the picture and match with activity.

No.	Picture	Opt.	Activity
1		A	take photographs
2	30201	В	swim
3		С	read books
4		D	go climbing
5		E	cook

en học giới tiếng anh lớp 4 – Tấp 1

6	F	make origami
7	G	sail a boat
8	Н	collect coins
9	Ι	go shopping
10	J	fly a plane

7	o	11	r	2	n	C	w	P	r.	
	w	u		a	11	3	w	C	1.	

1.

2.

3.

4.

5.

6.

7.

8.

9.

10.

II. GRAMMAR

1. Match each question with each answer.

No.	Question	Opt.	Answer	
1	Where is your school?	A	I collect stamps.	
2	What class are you in?	В	Yes. I like collecting coins.	
3	What do you like doing?	С	I like cooking and swimming.	
4	Do you like collecting?	D	I'm in class 1A.	
5	What do you collect?	Е	It's in 53 Ba Trieu Street.	

Your answer:

1.

2.

3.

4.

5.

2. Reorder the word to make the correct sentence.

1. do/ in/ you/ doing/ like/ your free time?/ What

.....

2. like/ I/ and/ playing/ swimming./ football

3. you/ Do/ like/ or/ reading?/ cooking

.....

4. does/ like/ What/ doing?/ John

.....

5. listening to/ like/ American/ music?/ John/ Does

.....

3. Circle the mistake in each sentence then rewrite the correct one.

1. What are your brother's hobbies?

2. My parents likes flying kites.

3.	Does you like collecting stamps?				
4.	She likes playing to a yo yo.				
5.	. My sister loves making origami and watches TV.				
	Write sentences basing on available words, the first one has been done you as an example.				
	your/ collect stamps				
	What's your hobby?				
	I like collecting stamps.				
1.	John's/ go skiing				
2.	his/ go climbing				
	••••••				
3.	their/ make origami				
4	NT - 2 / 1 - 1 - 1 - 1				
4.	Nam's/ take photographs				
5.	your sister's/ go shopping				
٠.					
III.	PHONICS Track 13				
Lis	ten and complete the sentence.				
	1. The planes are				

2. There are many in the garden.
3. My brother is with a yoyo.
4. She is making a paper
5. The of Vietnam has two colours: red and yellow.
6. Do you have any for your summer holiday?
PART III: SKILLS: LISTENING - SPEAKING - READING - WRITING
I. LISTENING Track 14
Listen and complete the text.
Conversation 1
Frank: Hello, Andrea. Can you tell me about your hobby?
Andrea: Sure. I'm (1) for my mum.
Frank: That's lovely. You are good at painting. Do you like music?
Andrea: Yes, I do. I like (2)
Frank: How about sports? Do you play football or tennis?
Andrea: No, I don't like sports. I don't (3) or tennis and I don't like skating.
Frank: I see. I hope your mum likes the picture.
Conversation 2
Jane: Hi, Tom. What hobbies do you have?
Tom: I have lots of hobbies. Basketball, surfing and skateboarding.
Jane: Are you good at (4)?
Tom: Yes, I think so. My trainer says I am.
Jane: What about playing golf? Do you like (5)?
Tom: No, not really. I think it's boring.
II. SPEAKING
Complete the conversation with available statement.
- I get them from my family.
- I got them as birthday present

- Do you collect anything?
- my mum buys me a hat
- How many have you got?
Andy: Hello, Marry. Can I ask you something?
Mary: Sure.
Andy: (1)?
Mary: Yes, I do. I collect hats.
Andy: Hats?
Mary: Yes. I like them very much. (2)
Andy: (3)?
Mary: I have got 52.
Andy: Did you get all of them as birthday presents?
Mary: No. (4) and Christmas present. When I get
good marks, (5)
III. READING
Read and do the task followed.
My name is Nam. I like playing sports. My favourite sport is tennis. But I don't like any martial arts. I think they are violent. On the weekends, I like reading, watching TV and going to the gym. In the afternoon, I like going out with my friends but we don't like going to the city centre. We like eating pizza and watching the movies.
My friend Rebecca likes sports and she plays volleyball very well. She is on the team at school. She doesn't like reading or playing computer games. She likes going to the gym too and we often go together. Her favourite pastime is collecting pictures of her favourite singers. She has got 100 pictures.
Answer the question.
1. What sports does Nam like?
2. Why doesn't Nam like martial arts?

2	Decide if each statement is true or false
5.	What is Nam's favourite food?
4.	Where don't Nam and his friend like going?
3.	What does Nam like doing at weekends?

if each statement is true or false.

No.	Statement	True	False
1	Rebecca likes volleyball.		
2	Rebecca is on the school team.		
3	Rebecca loves playing computer games.		
4	Rebecca and Nam often go to the gym together.		
5	Rebecca has 100 pictures of her favourite actors.		

IV. WRITING

Write sentences basing on available words, the first one has been done for you as an example.

No.	Person	Like	Dislike
0	Mai	take photographs, cook	read book
1	Nam	play the piano, go cycling	play computer games
2	Akira	collect stamps, draw	swim
3	Jackie	play chess, sing	dance
4	Tom	play the guitar, watch TV	make origami
5	Harry	listen to music, collect coins	paint

	My name is Mai. I love taking photographs and cooking. I don't like reading books.
1.	

2.		
۷.		
2		
3.		
4.		
5.		
	PUPIL'S NOTE	
T 1	Do you want and a water sontance natterns in this unit?	
	Do you remember the most important sentence patterns in this unit?	
Wı	ite down them here and give an example. (Em có nhớ các mẫu câu quan	
Wı trọ	rite down them here and give an example. (Em có nhớ các mẫu câu quan ông nhất của bài không? Hãy ghi chúng vào đây và cho một ví dụ.)	
Wı trọ	rite down them here and give an example. (Em có nhớ các mẫu câu quan ong nhất của bài không? Hãy ghi chúng vào đây và cho một ví dụ.) Hỏi và trả lời xem ai đó thích làm gì.	
Wı trọ	rite down them here and give an example. (Em có nhớ các mẫu câu quan ông nhất của bài không? Hãy ghi chúng vào đây và cho một ví dụ.)	
Wı trọ	rite down them here and give an example. (Em có nhớ các mẫu câu quan ong nhất của bài không? Hãy ghi chúng vào đây và cho một ví dụ.) Hỏi và trả lời xem ai đó thích làm gì.	
Wı trọ	rite down them here and give an example. (Em có nhớ các mẫu câu quan ong nhất của bài không? Hãy ghi chúng vào đây và cho một ví dụ.) Hỏi và trả lời xem ai đó thích làm gì.	
Wı tro 1.	rite down them here and give an example. (Em có nhớ các mẫu câu quan ông nhất của bài không? Hãy ghi chúng vào đây và cho một ví dụ.) Hỏi và trả lời xem ai đó thích làm gì.	
Wı tro 1.	rite down them here and give an example. (Em có nhớ các mẫu câu quan ông nhất của bài không? Hãy ghi chúng vào đây và cho một ví dụ.) Hỏi và trả lời xem ai đó thích làm gì.	
Wı tro 1.	rite down them here and give an example. (Em có nhớ các mẫu câu quan ông nhất của bài không? Hãy ghi chúng vào đây và cho một ví dụ.) Hỏi và trả lời xem ai đó thích làm gì.	
Wı tro 1.	rite down them here and give an example. (Em có nhớ các mẫu câu quan rng nhất của bài không? Hãy ghi chúng vào đây và cho một ví dụ.) Hỏi và trả lời xem ai đó thích làm gì. Hỏi và trả lời về sở thích của ai đó.	
Wı tro 1.	rite down them here and give an example. (Em có nhớ các mẫu câu quan ng nhất của bài không? Hãy ghi chúng vào đây và cho một ví dụ.) Hỏi và trả lời xem ai đó thích làm gì. Hỏi và trả lời về sở thích của ai đó.	
Wı tro 1.	rite down them here and give an example. (Em có nhớ các mẫu câu quan rong nhất của bài không? Hãy ghi chúng vào đây và cho một ví dụ.) Hỏi và trả lời xem ai đó thích làm gì. Hỏi và trả lời về sở thích của ai đó.	
Wı tro 1.	rite down them here and give an example. (Em có nhớ các mẫu câu quan ng nhất của bài không? Hãy ghi chúng vào đây và cho một ví dụ.) Hỏi và trả lời xem ai đó thích làm gì. Hỏi và trả lời về sở thích của ai đó.	
Wı tro 1.	rite down them here and give an example. (Em có nhớ các mẫu câu quan rong nhất của bài không? Hãy ghi chúng vào đây và cho một ví dụ.) Hỏi và trả lời xem ai đó thích làm gì. Hỏi và trả lời về sở thích của ai đó.	

	an you write at least ten new wor nể viết ra ít nhất mười từ mới của		
1		6	
2		7	
3		8	
4		9	
5		10	
III. I	Now can you?		
	Now you can	:	Tick (✓)
★ A	Ask and answer question about wh	nat someone likes doing.	
* 1	Ask and answer question about wl	nat someone's hobbies.	
* 5	Speak fluently the sentence pattern	ns.	
☆ Ţ	Use the vocabulary relating to som	neone's hobbies.	
★]	Pronounce exactly the sound "fl", a	and "pl".	10.80.1



WHAT SUBJECTS DO YOU HAVE TODAY?



PART I: THEORY

I. VOCABULARY

English	Pronunciation	Vietnamese	
subject	/ˈsʌbdʒɪkt/	môn học	
Biology	/baɪˈɒlədʒi/	Sinh học	
English	/ˈɪŋglɪʃ/	Tiếng Anh	
Geography	/dʒiˈɒgrəfi/	Địa lý	
History	/'hɪstri/	Lịch sử	
Made and all Made	/mæθəˈmætɪks/	Toán học	
Mathematics/Math	/mæθ/	10un nọc	
Music	/'mju:zɪk/	Âm nhạc	
Dhariaal Education/DE	/ˈfɪzɪkl edʒuˈkeɪʃn/	Thể dục	
Physical Education/PE	/pi: 'i:/	The time	
Information technology/ IT	/ɪnfəˈmeɪʃn/ /tekˈnɒlədʒi/	Công nghệ thông tin	
Art	/a:t/	Mỹ thuật	
Science	/ˈsaɪəns/	Khoa học	
Vietnamese	/vjetnəˈmiːz/	Tiếng Việt	

II. GRAMMAR

- 1. Hỏi xem hôm nay bạn học môn gì
 - (?) What subjects do you have today?

(+) I have + subject.

Example:

What subjects do you have today?

I have Maths.

I have Vietnamese and English.

2. Hỏi xem hôm nay ai đó học môn gì

- (?) What subjects does + he/ she + have today?
- (+) He/ She + has + subject.

Example:

What subjects does Tony have today?

He has Vietnamese and English.

3. Hỏi xem bạn có môn học gì vào ngày nào

- (?) When do you have + subject?
- (+) I have it on + day.

Example:

When do you have History?

I have it on Tuesday.

4. Hỏi xem ai đó có môn học gì vào ngày nào

- (?) When does + he/ she + have + subject?
- (+)He/ She + has it on + day.

Example:

When does she have History?

She has it on Tuesday.

III. PHONICS

Practice pronouncing the word.

/ct/	subject /ˈsʌbdʒekt/	collect /kəˈlekt/	act /ækt/
/cts/	subjects /'sʌbdʒekts/	collects /kəˈlekts/	acts /ækts/



PART II: LANGUAGE: VOCABULARY - GRAMMAR - PHONICS

I. VOCABULARY

1. Choose the odd one out.

1.	A. Literature	B. Grammar	C. Book	D. History
2.	A. Germany	B. English	C. French	D. Spanish
3.	A. Math	B. Chemistry	C. Physics	D. Break
4.	A. Teacher	B. Biology	C. Chemistry	D. Geography
5.	A. Book	B. Bag	C. History	D. Notebook

2. Match each picture with each subject.

No.	Word 1	Opt.	Word 2
1		Α	Biology
2	Carlot III	В	English
3	AECDEFG HIJKLM. OPQRECU WWXYZ	С	Art

4		D	Information technology/ IT
5	AĂÂBCDD EÊGHIKLMN OÔOPQRST UUVXY	E	Vietnamese
6		F	Mathematics
7		G	History
8		Н	Physical Education/PE

EN HOC GIO! TIÊNG ANN LOP 4 - TAP 1

9		Ι	Geography
10	2+2=4	J	Music

Your answer:

- 1.
- 2.
- 3.
- 4.
- 5.

- 6.
- 7.
- 8.
- 9.
- 10.

3. Choose the correct answer: what subjects do you need these things?

drum	ruler	protractor
textbook	dictionary	CDs
piano	guitar	violin
paint	drawing paper	brush
map	globe	compass

Maths:

English:

Music:

Art:

Geography _

II. GRAMMAR

1. Look at the picture and answer the question.

No.	Question – Answer	Picture
1	What subjects do you have this afternoon?	FELIZ DIA DEL INVESTRO
2	When do you have English?	Monday
3	When do you and your friends have Vietnamese?	Wednesday
4	When does she have Math?	Friday
5	What subjects do they have on Tuesday?	SINHHOC 12 DIALI

 1. 	do/ have/ What/ you/ today?/ subjects
2.	does/ have/ subjects/ Nga/ What/ today?
3.	do/ When/ have/ you/ Biology?
4.	Do/ History/ have/ they/ and/ today?/ Geography
5.	does/ When/ she/ English/ have/ Math?/ and
3. for	Write sentences basing on available words, the first one has been done you as an example.
	you/ English What subjects do you have today? I have English.
1.	he/ Biology
2.	
3.	your friends/ Math and Music
4.	John and Linda/ PE and IT
5.	she/ Art, Science and Vietnamese

	Write sentences basing on available words, the first one has been done you as an example.
0.	you/ Physical Education/ Monday and Tuesday
	When do you have Physical Education?
	I have it on Monday and Tuesday.
1	Jane/ History/ Monday and Wednesday
1.	,
_	they Information Toll 1 /T 1 1 TI 1
2.	they/ Information Technology/ Tuesday and Thursday
	,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,
3.	John/ Science/ Wednesday and Friday
4.	John and Tony/ Vietnamese/ Tuesday and Friday
5.	Trang/ English/ Monday and Friday
	······································
II	I. PHONICS Track 15
Li	sten and complete the sentence.
	1. What do you have today?
	2. I don't stamps.
	3. He like a child.
	4. My favourite is History.
	5. Jameslots of coins.
	6. You shouldn't like that.



PART III: SKILLS: LISTENING - SPEAKING - READING - WRITING

I. LISTENING Track 16

Listen and complete the time table.

	The	Wed	Thu	Fri
Mon	Tue	weu		English
Music		Art		Eligion
	Science		IT	
Math	Geleffee	Geography		Literature
Math		deography		

II. SPEAKING

Complete the conversation with available phrases.

- I don't like History
- You look excited today
- I think History is interesting
- I think English is interesting
- It's Monday

Nam:	Hello Tony. (1)
Tony:	Yeah, because I have my favourite subjects today.
Nam:	What day is it today?
Tony:	(2)·
Nam:	And what's your favourite subjects?
Tony:	They're Math and English. I'm good at Math, and I'm not so good at
	English, but (3)
Nam:	I like English too. So, what subject don't you like?
Tony:	(4) It's so boring.

Really? I don't think so. (5) ______. You can know

III. READING

Nam:

Read and decide if each statement is true or false.

about the history of our country.

Hello! My name is Pedro. I am ten years old. I live in Sao Paulo, a big city of Brazil. I have many good friends at school and I have a great teacher. My favourite subjects are Music and Arts.

This is a new photo of my class. Ms Anna is my teacher. She is very funny and she teaches History. This is Alberto. He is the monitor and he loves Literature and Vietnamese. He doesn't like Math. Next to him is Paulo. Paulo is a good student. He loves all subjects and he is very good at English and French. The girl in a pink skirt is my best friend – Lisa. She is very beautiful and sweet. She loves Science and Information Technology. The girl beside me is Joanna. She is a nice and pretty girl. Her favourite subject is Geography.

No.	Statement	True	False
1	Pedro lives in a big city of Brazil.		
2	Ms Anna is not a teacher of History.		
3	Alberto's favourite subjects are Literature and Vietnamese.		
4	Alberto really loves Mathematics.		
5	Paulo is bad at English and French.		

Answer the questions:

1.	How old is Pedro?
2. V	What are his favourite subjects?
3. \	What is Ms Anna like?
4. V	Who wears a pink skirt?
5. V	What are Lisa's favourite subjects?
6. I	Does Joanna like Geography?

IV. WRITING

Look at the time table and write sentences, the first one has been done for you as an example.

Mon	Tue	Wed	Thu	Fri
English	PE	Art	Science	Literature
Math	Music	English	Vietnamese	Vietnamese
Biology	IT	Literature	Music	IT

).	
	It's Monday today. I have English, Math and Biology.
	I have English on Monday and Wednesday.
	I have Math on Monday.
	I have Biology on Monday
1.	
	••••••
2.	
3.	
4.	
	••••••

PUPIL'S NOTE

	To you remember the most important sentence patterns in this unit?
	te down them here and give an example. (Em có nhớ các mẫu câu quan
(-	ng nhất của bài không? Hãy ghi chúng vào đây và cho một ví dụ.)
1.	Hỏi và trả lời về các môn học của ai đó.
2.	Hỏi xem ai đó học môn gì vào ngày nào.
II	Can you write at least ten new words of this unit? Write them here: (Em
	thể viết ra ít nhất mười từ mới của bài này không? Viết chúng ra đây:)
	6
2.	6
	7
·3.	7. 8.
·3.	7. 8. 9.
3.4.5.	7. 8. 9. 10.
3.4.5.	7
3. 4. 5. III	7
3. 4. 5. III.	7
3. 4. 5. III.	7
3. 4. 5. III.	7





WHAT ARE THEY DOING?



PART I: THEORY

I. VOCABULARY

English	Pronunciation	Vietnamese
write	/raɪt/	viết
paint	/peɪnt/	sơn, vẽ
make	/meɪk/	làm
video	/ˈvɪdiəʊ/	video
text	/tekst/	văn bản
dictation	/dɪkˈteɪʃn/	chính tả
mask	/ma:sk/	mặt nạ
plane	/pleɪn/	máy bay
puppet	/'p/prt/	con rối
exercise	/ˈeksəsaɪz/	bài tập luyện
drawing pictures	/ˈdrɔːɪŋ ˈpɪktʃə(r)z/	vẽ tranh
playing football	/ˈpleɪŋ ˈfʊtbɔːl/	chơi bóng đá
playing badminton	/'pleɪŋ 'bædmɪntən/	chơi cầu lông
painting masks	/'peɪntɪŋ maːsks/	vẽ mặt nạ
making paper planes	/ˈmeɪkɪŋ ˈpeɪpə(r) pleɪnz/	làm thuyền giấy
making paper houses	/ˈmeɪkɪŋ ˈpeɪpə(r) ˈhaʊzɪz/	làm nhà giấy
making a paper boat	/ˈmeɪkɪŋ ə ˈpeɪpə(r) bəʊt/	làm thuyên giấy
making a kite	/ˈmeɪkɪŋ ə kaɪt/	làm diều
making a puppet	/ˈmeɪkɪŋ ə ˈpʌpɪt/	làm con rối

reading a text	/ˈriːdɪŋ ə tekst/	đọc văn bản
watching a video	/ˈwɒtʃɪŋ ə ˈvɪdiəʊ/	xem video
writing a dictation	/ˈraɪtɪŋ ə dɪkˈteɪʃn/	luyện chính tả

II. GRAMMAR

- 1. Hỏi xem ai đó đang làm gì
 - (?) What's + he/ she + doing?
 - (+) He's/ She's + V-ing.

Example:

What's he doing? He's listening to music.

- 2. Hỏi xem một vài người đang làm gì
 - (?) What are they doing?
 - (+) They're + V-ing.

Example:

What are they doing?
They are painting pictures.

III. PHONICS

Practice pronouncing the word.

/sk/	mask /ma:sk/	desk /desk/	task /tɑ:sk/
/xt/	text /tekst/	next /nekst/	textbook / tekstbuk/

PART II: LANGUAGE: VOCABULARY - GRAMMAR - PHONICS

I. VOCABULARY

1. Complete the phrases with available verbs.

reading	playing	playing	writing	listening
watching	making	drawing	making	painting

EN HỌC GIỚI TIẾNG ANH LỚP 4 – TẬP 1

1.	football	6.	a paper boat
2.	a video	7.	masks
3.	a dictation	8.	a puppet
4.	a text	9.	badminton
5.	pictures	10.	to music

2. Match each picture with each activity.

No.	Picture	No.	Activity
1		A	drawing pictures
2	The state of the s	В	watching a video
3		С	making paper houses
4		D	making a puppet

5	E	making a kite
6	F	playing badminton
7	G	painting masks
8	Н	reading a text
9	I	writing a dictation

EN NOC CIÓI TIÊMC ANN LÉP 4 - TRP 1

J making paper planes

Your answer:

1.

2.

3.

4.

5.

6.

7.

8.

9.

10.

II. GRAMMAR

1. Look at the picture and answer the question.

No.	Question – Answer	Picture
1	What is she doing?	
2	What is he doing?	
3	What are they doing?	

Is she making paper planes?

Is he painting mask?

2. Match each question with each answer.

No.	Questions	No.	Answers
1	What subjects do you	A	Cl. :
1	have today?	γA	She is making a puppet.
2	When do you have English?	В	I am reading a text.
3	What are you doing?	С	I have it on Monday and Thursday.
4	What is Nga doing?	D	I have History and Math.
_	Are Nam and Ba	V 4h	
5	drawing pictures?	E	Yes, they are.

Your answer:

2			
1.			

2.

3.

4.

5.

- 3. Circle the mistake in each sentence then rewrite the correct one.
- 1. Is Linda and her friend making a puppet?

2.	Nancy is writeing a dictation.
3.	What are your brother and you sister doing?
4.	Lam is making a text and Minh is watching a video.
5.	Roses and her sister are painting mask in Roses's room.
_	Write sentences basing on available words, the first one has been done ryou as an example.
	Thao/ play chess
•	What is Thao doing?
	She is playing chess.
1.	Mary/ watch TV
_,	
2.	Mai/ write a letter
۷,	Wai/ Write a letter
	••••••
3.	Hoang and his sister/ read a book
٥.	Hoalig and his sister/ read a book
1	Tony and Linda/ make a puppet
4.	Tony and Dinea, make a papper
	•••••••
5.	
Э.	Wilchael, take photographs

III. PHONICS Track 17

Listen and complete the text.

- Joey and his friends are painting ______.
- 2. The girl ______ to me is Hoa.
- 3. Who is sitting at the yellow _____?
- 4. Listen and complete the _____.
- 5. Please do ______1, page 42.
- 6. There are two _____ in my schoolbag.

PART III: SKILLS: LISTENING - SPEAKING - READING - WRITING

I. LISTENING Track 18

Listen and complete the text.

- 1. A: Where is Nhung?
 - B: She is in her classroom and making a (1) _______.
- 2. A: Are Nam and Hoa in the school yard?
 - B: No, they aren't. They are (2) _____ in their class.
- 3. A: Who are they, at the red table?
 - B: They are Mi and Trang. They are (3)
- 4. A: Is that girl making a paper plane?
- 5. A: Are you (5) _____?
 - B: Yes, I am.

II. SPEAKING

Complete the conversation with available phrase.

- They are playing sports
- They are drawing pictures

EN Học Giới TIẾNG ANH LỚP 4 - TẬP 1

They don't like table tennisWhat are they doing in the classroomHow about the children outside

Mr. Hung:	Miss Hoa, where are your p	apils?
Miss Hoa:	Some are in the classroom,	and some are in the school yard.
Mr. Hung:	(1)	_?
Miss Hoa:	Well, the boys are making p	aper boats and paper houses.
Mr. Hung:	How about the girls?	
Miss Hoa:	(2)	, painting masks and making puppets
Mr. Hung:	(3)	_, in the school yard?
Miss Hoa:	(4)	Today they are playing badminton
	and football.	
Mr. Hung:	Do they play table tennis?	
Miss Hoa:	No, they don't. (5)	·

III. READING

Read and do the task followed.

BREAK TIME

It's a school day today and we are at break time. There are many pupils inside the classroom. Look! At the yellow table, Trang and Nhung are drawing a picture of a flower vase. There, at the blue table, three pupils: Mai, Hoang and Nam are making paper things. They are making paper planes, paper houses and paper boats. At the red table, there are two pupils – Ninh and Nga. Nga is making a puppet and Ninh is reading a text. And here, at the white table, my best friend Hoa is writing a dictation and I am watching a funny video about pets. They are so cute.

In the school yard, some boys are playing sports. Today they are playing badminton and football.

 Answer the question. How many tables are there? 				
	o are sitting at the yellow	table?		
3. Wh	at paper things are Mai, H			
4. Wh	at are you watching?			
		he things each person is doing.		
No.	Person	Things they are doing		
1	Trang and Nhung			
2	Mai, Hoang and Nam			
3	Ninh			
4	Nga	4		
5	Ноа			
6	some boys	· ·		
	RITING question for the underlin	ned part.		
1. I'm	n writing a dictation.	<u> </u>		
	e is <u>making a puppet</u> .			
3. <u>Jar</u>	<u>ne</u> is drawing pictures.			
	e boys are <u>playing badmir</u>	<u>nton</u> .		
	s. Lan is listening to music			

PUPIL'S NOTE

Wr	Do you remember the most impo rite down them here and give an ex ong nhất của bài không? Hãy ghi c	ortant sentence patterns in this unit? cample. (Em có nhớ các mẫu câu quan húng vào đây và cho một ví dụ.)
	Hỏi và trả lời xem ai đó đang làm	
	••••••	••••••
		•••••
2.	Hỏi và trả lời xem ai đó đang làm	gì (ngôi "they").
	•••••••••••••••••••••••••••••••••••••••	•••••
		••••••
		•••••
	,	
II có	. Can you write at least ten new wor thể viết ra ít nhất mười từ mới củ	rds of this unit? Write them here: (Em a bài này không? Viết chúng ra đây:)
1.	•••••	6
2.	•••••	7
3.		8
4.		9
_		10

III. Now can you?

Now you can:

Tick (✓)

- Ask and answer question about activities.
- Speak fluently the sentence patterns.
- Use the vocabulary relating to activities.
- ★ Pronounce exactly the words which have the stress on the second syllable.



WHERE WERE YOU YESTERDAY?



PART I: THEORY

I. VOCABULARY

English	Pronunciation	Vietnamese
yesterday	/ˈjestədeɪ/	ngày hôm qua
at home	/æt həʊm/	ở nhà
at the zoo	/æt ðə zu:/	ở vườn thú
at school	/æt sku:l/	ở trường
on the beach	/ɒn ðə bi:tʃ/	ở bãi biển
in the school library	/ɪn ðə skuːl ˈlaɪbrəri/	trong thu viện
wash	\{aw\	giặt, rửa
water	/'wɔ:tə(r)/	nước, tưới
water flowers	/'wɔ:tə(r) ðə 'flauə(r)z/	tưới hoa
paint a picture	/peint ə ˈpiktʃə(r)/	vẽ tranh

II. GRAMMAR

1. Hỏi xem bạn đã ở đâu

- (?) Where were you + time in the past?
- (+) I was + in/at/on + place.

Example:

Where were you yesterday?

I was at my friend's house.

2. Hỏi xem ai đó đã ở đâu

- (?) Where was + he/ she + time in the past?
- (+) He/ she + was + in/at/on + place.

Example:

Where was Tania yesterday? She was at my friend's house.

3. Hỏi xem người nào đã làm việc gì

(?) What did + S + do + time in the past?

$$(+) S + V2.$$

Example:

What did you do yesterday morning? I walked to school.

What did she do yesterday afternoon? She studied at school.

III. PHONICS

Practice pronouncing the word.

/ed/	opened /ˈəʊpənd/	studied /'stʌdid/	rained /reɪnd/
/ed/	watched /wptʃt/	worked /wɜːkt/	cooked /kʊkt/
/ed/	painted /peɪntid/	collected /kəˈlektid/	celebrated /'selibreitid/



PART II: LANGUAGE: VOCABULARY - GRAMMAR - PHONICS

I. VOCABULARY

1. Look at the picture and complete the sentence, the first one has been done for you as an example.

EN HỌC GIỚI TIẾNG ANH LỚP 4 - TẬP 1

No.	Sentence	Picture
0	I was at school yesterday morning.	
1	I	
2	John	700
3	Mai Linh and I	
4	Tony	
5	Maria	

2. Decide if each activity should be done in what place.

- water the flowers

- read a text

- play badminton

- watch TV

- draw pictures

- chat with friends

- swim

- listen to music

- sunbathe

- eat seafood

- sail a boat

- play with a yo yo

- borrow books

- play football

- cook

- play in the schoolyard

At home	In the library	At school	On the beach
	•••••		
	•••••		
	•••••		
	•••••		

3. Do the puzzle: find the word: LISTEN, EXERCISE, HOME, ZOO, SCHOOL, BEACH, LIBRARY, WASH, WATER, FLOWER.

О	U	E	Т	I	P	L	R	X	Q	U	F	A
J	С	F	L	О	W	E	R	O	Н	N	Z	P
M	L	X	В	R	Т	Z	V	M	В	С	L	I
Н	I	S	A	A	D	N	0	Н	R	T	K	E
Н	S	A	W	G	J	L	0	0	Н	С	S	Y
Y	Т	U	Q	T	I	E	H	M	F	S	O	R
Z	E	X	E	R	С	I	S	E	Y	C	V	A
U	N	Т	F	T	O	V	H	K	L	Z	G	R
D	V	В	X	С	P	С	v	G	S	D	Y	В
Q	L	K	J	N	A	M	R	Q	I	J	Z	I
R	G	Z	Y	E	H	S	T	E	Y	A	M	L
A	X	P	В	V	Т	N	В	V	D	Y	K	F

II. GRAMMAR

1. Reorder the word to make correct sentence.

1.	were/ yesterday,/ you/ Tony?/ Where
2.	I/ at/ was/ home/ afternoon./ yesterday
3.	was/ last/ Jane/ Where/ night?
4.	the zoo/ you/ or at/ at school/ yesterday?/ Were
5.	school/ at/ He/ yesterday./ wasn't

2. Look at the picture and answer the question.

No.	Question – Answer	Picture
1	Where were you last night?	
2	Where was she yesterday morning?	

3	Was she in the library yesterday evening?				
4	What did you do last night?				
5	What did she do yesterday evening?				
3. Ci	cle the mistake in each sentence then rewrite th	ne correct one.			
	here was you yesterday evening?				
2. W	Vas he in the beach or at school?				
3. Jo	Johnny and I was at my school yesterday morning				
4. H	e studied on the school library last morning.				
5. V	5. What does she do last week?				

4. V	Write sentences basing on available words, the first one has been done
for	you as an example.
0.	you/ at home/ yesterday/ paint mask
	Where were you yesterday?
	I was at home.
1.	he/ at the zoo/ yesterday afternoon/
2.	Susan/ at school/ yesterday morning
3.	your parents/ at home/ last night
4.	her sisters/ in the school library/ yesterday

	••••••
5.	uncle George and aunt Sylvia/ on the beach/ yesterday morning
	••••••
	•••••••••••••••••••••••••••••••••••••••
III	. PHONICS Track 19
Lis	ten and complete the sentence.
	1. My mother a very good meal last night.
	2. I at home last night.
	3. It heavily yesterday.
	4. Last year my school Teacher's Day at the zoo.
	5. SheTV for half an hour yesterday morning.
	6. My mother and I a picture of flowers yesterday afternoon.



PART III: SKILLS: LISTENING - SPEAKING - READING - WRITING

I. LISTENING Track 20

Listen	and complete the text.
Yesterd	ay was a busy day for me and my family. My parents went to visit my
(1)	My brother John, my little sister Ann and me – Sam were
at hom	e. In the morning, John and Ann were (2)
becaus	e they had some classes. I wasn't at school. I was at home and (3)
	In the afternoon, I had four classes at
and pla	and I was at school until 5:30. My brother John and Ann were at home
nicture	ayed (4), they also painted a of flowers. In the evening, my parents came home and brought us lots
of (5) _	from our grandparents.
II. SP	EAKING
Comp	lete the conversation with available phrases.
- I'm	doing my homework
- I w	as at granny's house yesterday
- he	didn't do homework yesterday
- I w	asn't at home yesterday
- he	was at the zoo yesterday
Hoa:	Nam, what are you doing?
Nam:	(1)
Hoa:	Why didn't you do your homework yesterday?
Nam:	(2)
Hoa:	So where were you yesterday?
Nam:	I went to visit my granny, so (3)
Hoa:	What about your brother, Tony?
Nam:	He wasn't at granny's house, but (4)
Hoa:	Really? I was at the zoo yesterday, too, but I didn't see him.
Nam:	What zoo were you at?

EN Học GIỚI TIẾNG ANH LỚP 4 - TẬP 1

Hoa	a: I was at National Zoo.
Nan	n: Tony was at Summer Zoo.
Hoa	n: Oh, so (5), too.
Nan	n: Yeah.
III.	READING
Rea	d and answer the question.
	A BUSY DAY
fath was littl visi afte hav the	Yesterday was a busy day for me and my family. It was Sunday and my ner didn't go to work. He was at home and watered his plants. My mother at home, too. It was sunny so she washed all the winter clothes. My he brother – Johny, went to the zoo with uncle Tom and aunt Sylvia. They ated many animals and Johny painted a picture of a giraffe. Yesterday ernoon I was at school, but I wasn't at the classroom because I didn't be any classes. I was in the school library and read a Literature book. In evening I was at home and helped my sister Nana with her homework, ent to bed late last night.
1.	Why didn't the father go to work yesterday?
2.	What did the father do yesterday?
3.	Why did the mother wash all the winter clothes?
4.	Who did Johny go to the zoo with?
5.	What did Johny paint?
6.	Why weren't you at the classroom yesterday?

7. Where were you yesterday afternoon?

8.	Why were you there?
9.	Who did you help with the homework?
10.	Did you go to bed early last night?
IV.	WRITING
1.	Write answers and questions basing on available words. Use past tense
1.	he/ yesterday afternoon/ walk around to see animals/zoo
2.	, , , , , , , , , , , , , , , , , , ,
3.	your parents/ last night/ water the flowers/ home
,	1
4.	her sisters/ yesterday/ do the homework/school library
5.	uncle George and aunt Sylvia/ yesterday morning/ build sandcastles/beach
2.	Answer the questions about you.
	Where do you live?
2.	What class are you in?
3.	What are your favourite subjects?

A STATE OF THE PARTY OF THE PAR	THE COMMENT A THREE THE PARTY OF THE PARTY O		
CONTRACTOR OF FAIR	The set of	lőp 4 – Táp 1	Е
1. T. Aug. 1 h . A . T. St 1 h	1 mm to 1 -40 c 4 5 mm c 1 c 4 c mm	The second secon	20

4.	When do you have Maths?
5.	What's your brother doing?
6.	What's your sister doing?
7.	Where were you yesterday?
8.	What did you do yesterday?
tro	PUPIL'S NOTE Do you remember the most important sentence patterns in this unit? rite down them here and give an example. (Em có nhớ các mẫu câu quan ong nhất của bài không? Hãy ghi chúng vào đây và cho một ví dụ.) Hỏi và trả lời xem ai đó đã ở đâu vào một thời gian trong quá khứ.
2.	Hỏi và trả lời xem ai đó đã làm gì trong quá khứ.

II. Can you write at least ten new words of this unit? Write them here: (En	
có thể viết ra ít nhất mười từ mới của bài này không? Viết chúng ra đây:))

1	6
2	7
3	8
4	9
5	10

III. Now can you?

Now you can:

Tick (✓)

- ★ Ask and answer question about places and activities.
- Speak fluently the sentence patterns.
- ★ Use the vocabulary relating to places and activities.
- Pronounce exactly ending sound "ed".